

Bản án số: **150/2019/HC-PT**

Ngày: 09 - 9 - 2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh
vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 122/2019/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2018/HC-ST ngày 08-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1033/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khối 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1991. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

* **Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn D** - Chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thế H**- Chức vụ: Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố H: Ông **Nguyễn Đình H** – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khối 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thành C**; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

* Người kháng cáo: người khởi kiện - ông Võ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Võ Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành C trình bày:

Diện tích đất khoảng 1.268,4m² tại khối 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc của cha mẹ ông Võ Văn T là ông Võ M và bà Lê Thị Đ xác lập từ trước năm 1975. Năm 1987, cha mẹ ông đã cho vợ chồng ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X diện tích đất trên để làm nhà ở và canh tác sản xuất. Ông T, bà X sử dụng đất ổn định, liên tục, không có tranh chấp với ai từ năm 1987 đến nay.

Năm 1992, thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, Ông T đăng ký kê khai theo Nghị định 60/CP với diện tích 657,2m², loại đất thổ cư. Ngày 09/6/2009, vợ chồng Ông T, bà X được UBND phường C xác nhận nguồn gốc diện tích đất sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993.

Tuy vậy, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Ông T, UBND thành phố H lại phân chia diện tích đất của gia đình ông thành 03 thửa và cấp giấy chứng nhận vào các thời điểm khác nhau. Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 229,5m² (trong đó có 200m² đất ở đô thị và 29,5m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 47, tờ bản đồ số 23, vào ngày 06/6/2008; diện tích 250m² loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 210, tờ bản đồ số 23 vào ngày 04/8/2016; còn phần diện tích đất còn lại là 177,7m² (trong tổng diện tích 657,2m² Ông T kê khai theo Nghị định 60/CP) vợ chồng Ông T, bà X sử dụng làm ao lấy nước tưới tiêu, nuôi cá nhưng đã đổ đất san lấp ao vào năm 2010 và quản lý, sử dụng đến nay nhưng không được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, Ông T, bà X còn được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 611,2m², mục đích sử dụng đất lúa vào ngày 11/10/2013.

Thực hiện dự án Khu dân cư khối X, phường C, thành phố H, diện tích đất của gia đình Ông T thuộc diện bị thu hồi đất. Ngày 20/01/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND về việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng cho gia đình ông Võ Văn T với nội dung bồi thường về đất lúa đối với thửa số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 61 1,2m² và bồi thường về đất trồng cây lâu năm đối với thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m², tổng giá trị bồi thường về đất là 102.176.800 đồng và một số chính sách hỗ trợ khác.

Việc UBND thành phố H bồi thường cho gia đình ông theo loại đất lúa và đất trồng cây lâu năm là chưa đúng quy định pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông, vì nguồn gốc đất có từ trước năm 1975, toàn bộ diện tích đất của gia đình ông là chung một thửa và đã được kê khai, đăng ký với mục đích sử dụng đất là đất thổ cư, sử dụng liên tục từ trước ngày 15/10/1993. Ông Võ Văn T được cha mẹ để lại đất, có đăng ký, kê khai và nộp thuế cho Nhà nước đúng quy định. Nguồn gốc thửa đất 210 thuộc diện tích 657,2m² loại đất thổ cư do Ông T kê khai theo hồ sơ 60/CP, ranh giới sử dụng ổn định không lấn chiếm. UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận cho Ông T tại thửa 210, diện tích 250m² loại đất trồng cây lâu năm là không đúng. Vì vậy, Ông T làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố H đề nghị xem xét lại diện tích, loại đất bồi thường để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông. Tuy nhiên, ngày 29/6/2017, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1411/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của Ông T. Ngày 15/7/2017, ông Võ Văn T có đơn khiếu nại lần 2, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam xem xét lại nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H. Sau khi thụ lý đơn, ngày 09/8/2017, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam lập biên bản làm việc với Ông T nhưng đến nay đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam vẫn chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố H đề nghị xác định phần đất diện tích đất thửa 210 là loại đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở thì Ông T không đồng ý và đề nghị UBND thành phố H thu hồi, bồi thường, hỗ trợ thửa 210 theo loại đất ở.

Về yêu cầu tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình Ông T đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 61 1,2m², mục đích sử dụng đất lúa theo giá hiện nay.

Do đó, ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

- Hủy Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt

bằng dự án Khu dân cư khối X, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đối với hộ gia đình ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị X.

- Hủy Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Võ Văn T đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² là loại đất ở.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Võ Văn T đối với diện tích đất 177,7m² (nằm trong tổng diện tích 657,2m² Ông T đăng ký, kê khai theo Nghị định 60/CP trước đây được gia đình ông sử dụng làm ao nuôi cá nhưng đã san lấp ao vào năm 2010) là đất ở.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình Ông T đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 611,2m², mục đích sử dụng đất lúa theo đúng quy định pháp luật.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 866074 do UBND thành phố H cấp cho ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X ngày 04/8/2016 đối với thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² đất trồng cây lâu năm.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Căn cứ hồ sơ kê khai, đăng ký, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị X lập, UBND thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 206968 ngày 14/10/2013 đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 611,2m², loại đất trồng lúa và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 866074 ngày 04/8/2016 đối với thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m², loại đất trồng cây lâu năm cho hộ gia đình ông Võ Văn T.

Về yêu cầu hủy Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam:

Khi thực hiện dự án Khu dân cư khối X, phường C, UBND thành phố H đã ban hành Thông báo thu hồi đất và Quyết định thu hồi đất đối với thửa 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 611,2m², loại đất trồng lúa và thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m², loại đất trồng cây lâu năm của hộ ông Võ Văn T. Căn cứ quy định tại Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam, căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T, UBND thành phố H đã

ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 là đúng pháp luật. Việc ông Võ Văn T yêu cầu hủy quyết định này là không có cơ sở.

Về yêu cầu hủy Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ nguyên tắc bồi thường về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013, việc ông Võ Văn T yêu cầu UBND thành phố H khi thu hồi thửa đất 210, tờ bản đồ số 23, loại đất trồng cây năm phải bồi thường, bố trí tái định cư cho hộ gia đình ông với diện tích 250m² đất ở là không có cơ sở. Do đó, trên cơ sở quy định của pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ông T đã được cấp, quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 không chấp nhận đơn khiếu nại và yêu cầu giải quyết của ông Võ Văn T là đúng pháp luật. Yêu cầu hủy Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H là không có căn cứ nên người bị kiện không đồng ý.

Về yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Võ Văn T đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² là loại đất ở:

Thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 866074 ngày 04/8/2016 cho hộ ông Võ Văn T, mục đích sử dụng là loại đất trồng cây lâu năm trên cơ sở quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và nội dung Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X lập.

Căn cứ quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là điều kiện đủ để hộ gia đình Ông T được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cơ sở để xác định loại đất để tính bồi thường.

Từ những nội dung trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố H xác định bồi thường đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² là loại đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là đúng quy định của pháp luật nên người bị kiện không đồng ý với yêu cầu này của ông Võ Văn T.

Về yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Võ Văn T đối với diện tích đất 177,7m² là đất ở:

Nguồn gốc diện tích đất 177,7m² (nằm trong tổng diện tích 657,2m² ông Võ Văn T đăng ký, kê khai theo Nghị định 60/CP), theo hồ sơ đăng ký chính lý năm 1992, phần diện tích đất trên thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 4, diện tích 164m², loại đất ao, do UBND phường C kê khai, quản lý. Hiện trạng diện tích đất này là đất bằng và hộ ông Võ Văn T không xin phép khi thực hiện san lấp phần diện tích ao nêu trên nên thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất do chuyển mục đích sử dụng đất trái phép được căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất. Như vậy, diện tích đất 177,7m² có nguồn gốc là loại đất ao, từ trước đến nay không được hộ Ông T sử dụng vào mục đích đất ở. Tại phiên tòa, UBND thành phố H xác nhận chưa tiến hành việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích 177,7m². Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về nội dung này là không có cơ sở.

Trong quá trình ông Võ Văn T sử dụng phần diện tích 177,7m² này, UBND thành phố H và UBND phường C chưa ban hành văn bản liên quan đến việc sử dụng đất của ông Võ Văn T.

Về yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình Ông T đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 61 1,2m², mục đích sử dụng đất lúa theo quy định pháp luật:

Ủy ban nhân dân thành phố H đã bồi thường cho hộ ông Võ Văn T thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 61 1,2m², mục đích sử dụng đất lúa theo quy định pháp luật. Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 61 1,2m², mục đích sử dụng đất lúa đã có Quyết định từ tháng 01/2017 nhưng Ông T không nhận.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 866074 do UBND thành phố H cấp cho ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X ngày 04/8/2016 đối với thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² đất trồng cây lâu năm: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn T của UBND thành phố H đúng quy định pháp luật nên người bị kiện không đồng ý với yêu cầu này của ông Võ Văn T.

Sau khi xem xét hồ sơ, UBND thành phố H xét thấy khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn T có một phần đất có nguồn gốc đất thổ cư của cha Ông T. UBND thành phố H sẽ xem xét hồ sơ để xem xét công nhận một phần của thửa đất 210, tờ bản đồ số 23 là loại đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở để thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho Ông T. Phần đất cây lâu năm của Ông T tương ứng sẽ bị giảm một phần. UBND thành phố H chỉ có thể xem xét

công nhận một phần thửa 210, diện tích 250m² là đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở, chứ không thể công nhận toàn bộ diện tích 657,2m² là loại đất ở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2018/HC-ST ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 1, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; các Điều 74, 103 Luật đất đai 2013 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc: “Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Võ Văn T đối với diện tích đất 177,7m² là đất ở”.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T: “Hủy một phần Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường liên quan đến thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² của ông Võ Văn T, bà Võ Thị X để thực hiện lại việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho Ông T, bà X theo loại đất vườn trong cùng thửa đất ở theo đúng quy định pháp luật”.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc: “Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND thành phố H đối với ông Võ Văn T, bà Võ Thị X; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình Ông T đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 61 1,2m², mục đích sử dụng đất lúa theo đúng quy định pháp luật; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 866074 do UBND thành phố H cấp cho ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X ngày 04/8/2016 đối với thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² đất trồng cây lâu năm”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-11-2018, người khởi kiện ông Võ Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Võ Văn T, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Văn T, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của Ông T, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trên cơ sở nguồn gốc đất và hồ sơ đăng ký kê khai, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị X được Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp 03 Giấy chứng nhận QSD đất cụ thể như sau:

[1.1] Thửa số 47, diện tích đất 657,2m² trong đó có 457,2m² đất vườn và 200m² đất thổ cư (BL 149). Ông Võ Văn T đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 229,5m² (trong đó có 200m² đất ở đô thị và 29,5m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 47, tờ bản đồ số 23, vào ngày 06/6/2008, đã có nhà ở (BL 151).

[1.2] Theo hồ sơ đo đạc năm 1992 thì phần diện tích 177,7m² thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 4, diện tích 164m², loại đất ao, thể hiện chủ sử dụng là UBND phường C. Theo hồ sơ kê khai Nghị định 60/CP thì diện tích 177,7m² thuộc phần diện tích đất 657,2m² Ông T đã kê khai, đăng ký. UBND thành phố H xác định chưa thực hiện việc thu hồi đất đối với phần diện tích này, nên cũng chưa thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định. *(Ông T đã rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến diện tích đất này).*

[1.3] Thửa đất số 33 tờ bản đồ số 22 diện tích đất 611,2 m² đất trồng lúa (BL 118).

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ để xác định nguồn gốc đất của ông Võ Văn T là hồ sơ chỉnh lý năm 1992, do ông Võ M kê khai loại đất thổ cư. Tại Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND thành phố H thể hiện tại mục 2 về nguồn gốc diện tích 250m², thửa 210: theo hồ sơ đăng ký chỉnh lý năm 1992 thì nguồn gốc diện tích 250m² thửa số 210 Ông T khiếu nại là thuộc một phần diện tích của thửa 91, tờ bản đồ số 04, diện tích 821m² loại đất lúa do ông Trần Thanh Buộc kê khai đăng ký và thuộc một phần diện tích của thửa 175, tờ bản đồ số 04, loại đất thổ cư do ông Võ M kê khai, đăng ký; theo hồ sơ Nghị định 60/CP là thuộc một phần thửa đất số 47, tờ bản đồ số 23, diện tích 657,2m², loại đất thổ cư do ông Võ Văn T kê khai đăng ký (BL 63). Trên diện tích 657,2m² đã có nhà ở của ông Võ Văn T.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ủy thác để Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định toàn bộ hiện trạng về việc sử dụng nhà

đất đối với 02 thửa đất số 47 và thửa đất số 210. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2019 kèm theo bản vẽ sơ đồ hiện trạng nhà đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai H thực hiện vào ngày 22 tháng 8 năm 2019 thể hiện: Trên diện tích đất bị thu hồi tại thửa đất 210 ngoài cây cối hoa màu đã được kiểm đếm bồi thường, trên đất còn có diện tích xây dựng là diện tích nhà kiên cố, gắn liền với diện tích căn nhà chính của căn nhà xây trên diện tích đất của thửa 47, ngoài ra trên đất còn có công trình xây dựng khác như hố ga và một phần của nhà mái lợp tôn. Như vậy Quyết định 229/QĐUB ngày 20/01/2017 v/v bồi thường cho Ông T chỉ bồi thường các khoản tổng cộng là 287.525.000 đồng (trong đó; tiền về đất là 102.176.800 đồng, hoa màu 2.939.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm 175.415.200 đồng) mà không xem xét bồi thường về nhà ở và công trình xây dựng trên đất là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất. Bản án sơ thẩm không xem xét nội dung trên để buộc Ủy ban nhân dân thành phố H phải thực hiện việc kiểm đếm, xem xét bồi thường cho Ông T là thiếu sót.

[3] Xét thửa đất số 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² ngày 04/8/2016 Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp GCN quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 866074. Ngay sau khi cấp giấy chứng nhận nêu trên cho Ông T thì ngày 29/8/2016 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H lập biên bản kiểm kê tài sản để thu hồi đất theo dự án đã được phê duyệt trước đó. Ngày 08/11/2016 Ủy ban nhân dân thành phố H tỉnh Quảng Nam ra thông báo thu hồi đất, ngày 17/01/2017 ra quyết định thu hồi đất. Sau khi biết việc thu hồi đất và mức bồi thường về đất ông Võ Văn T khiếu nại đề nghị được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích 250m² bị thu hồi. Xét thấy nguồn gốc của thửa đất 210 tờ bản đồ số 23 theo hồ sơ Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ là một phần thửa số 47 tờ bản đồ số 23, diện tích 657,2m² là loại đất thổ cư do Ông T kê khai đăng ký. Nguồn gốc thửa đất thổ cư này đều do cha mẹ của Ông T là ông Võ M và bà Lê Thị Đ tạo lập quản lý sử dụng ổn định liên tục từ trước năm 1975 và để lại cho ông Võ Văn T tiếp tục quản lý sử dụng (có xác nhận của chính quyền địa phương). Như vậy, nguồn gốc thửa đất 210 tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² của hộ gia đình Ông T được hình thành từ trước ngày 28/12/1980 và nằm trong cùng thửa đất thổ cư diện tích 657,2m² được Ông T kê khai theo Nghị định 60/CP do vậy diện tích đất nêu trên cần phải được xác định là đất ở là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, hiện nay hộ gia đình Ông T có 08 nhân khẩu đang sinh sống trên đất, trên đất có xây dựng nhà gắn liền với thửa đất 47. Hiện nay vị trí thửa đất bị thu hồi thuộc phạm vi dự án khu dân cư khối X, phường C.

Xét thấy án sơ thẩm đã quyết định hủy một phần Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường liên quan đến thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² của ông Võ Văn T, bà Võ Thị X, tuy nhiên không hủy một phần của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND thành phố H đối với ông Võ Văn T, bà Võ Thị X đối với nội dung khiếu nại liên quan đến thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² là chưa đúng do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ sửa án sơ thẩm theo hướng hủy một phần các quyết định nêu trên và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 866074 do UBND thành phố H cấp cho ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X ngày 04/8/2016 đối với thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² là Quyết định hành chính có liên quan.

[4] Đối với nội dung đơn kháng cáo liên quan đến diện tích đất 611,2 m² là đất trồng lúa thấy rằng:

Thửa đất số 33 tờ bản đồ số 22 diện tích đất 611,2 m² là đất trồng lúa (BL 118) đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp GCNQSD đất cho ông Võ Văn T. Nay Ông T yêu cầu hủy Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường liên quan đến thửa 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 611,2m², loại đất lúa, xét thấy: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Ông T là có căn cứ bởi lẽ: Việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố H đối với thửa đất lúa số 33, bản đồ số 23, diện tích 611,2m² đã đúng theo quy định tại Điều 74 Luật đất đai nhưng ông Võ Văn T không đồng ý nhận tiền. Do vậy kháng cáo của Ông T về nội dung này không được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên xét kháng cáo của ông Võ Văn T là có căn cứ được chấp nhận.

Về án phí: Ông Võ Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Văn T. Sửa quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 62/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 1, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; các Điều 74, 103 Luật đất đai 2013 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc: “Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Võ Văn T đối với diện tích đất 177,7m² là đất ở”.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với các nội dung: “Hủy một phần Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường liên quan đến thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² của ông Võ Văn T, bà Võ Thị X để thực hiện lại việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho Ông T, bà X là loại đất ở theo đúng quy định pháp luật, và xem xét bồi thường về phần diện tích nhà và các công trình xây dựng trên phần diện tích đất bị thu hồi”.

“Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 866074 do UBND thành phố H cấp cho ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị X ngày 04/8/2016 đối với thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m² đất trồng cây lâu năm”.

“Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND thành phố H đối với ông Võ Văn T, bà Võ Thị X đối với những nội dung khiếu nại liên quan đến thửa 210, tờ bản đồ số 23, diện tích 250m²”.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc: “Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1411/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND thành phố H đối với ông Võ Văn T, bà Võ Thị X về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình Ông T đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 23, diện tích 611,2m², mục đích sử dụng đất lúa theo đúng quy định pháp luật”.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Văn T không phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000214 ngày 07/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Nay hoàn trả lại số tiền tạm ứng cho ông Võ Văn T.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành